TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày: 11-5-2018
V/v: "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Toàn

2. Ông Dương Thành Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2017 về *"Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ**; địa chỉ: 35 H, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đức T – Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ, là người đại diện theo pháp luật; ông Nguyễn Thành P – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Q là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28-10-2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ; người được ủy quyền lại gồm: Bà Nguyễn Thị P, bà Trần Thị Mỹ L, là các Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q, bà Phạm Thị Diễm M - Trưởng phòng Quản lý rủi ro, bà Tống Thị Hoàng P – Phó trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q, theo văn bản ủy quyền lại số 390/UQ-BIDV.QN ngày 01-3-2018.

2. Bị đơn: Bà **Ưng Thị T**, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 13, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 13, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà M có mặt, bà T và ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30-11-2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ trình bày:

Ngày 13-10-2016 Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ cho bà Ưng Thị T vay số tiền 500.000.000đồng để bổ sung vốn kinh doanh theo hợp đồng tín dụng số 03/2016/8929951/HĐTD ngày 13-10-2016. Thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 8,8%/năm và cố định trong thời gian vay, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nợ vay, bà Ưng Thị T và ông Phạm Thanh H đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 7, diện tích 245m^2 và nhà ở gắn liền với đất tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 154678, số vào sổ cấp GCN: CH 00921 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Phạm Thanh H, bà Ưng Thị T ngày 14-8-2014.

Việc thế chấp đã được các bên lập thành hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, được Phòng công chứng số 1 Q chứng nhận ngày 13-10-2016, đồng thời, quyền sử dụng đất thế chấp cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 13-10-2016 tại Phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện B.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Ưng Thị T nhận đủ số tiền vay là 500.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bà Ưng Thị T mới trả được cho Ngân hàng 100.000.000đồng tiền gốc và 18.651.111đồng tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Ưng Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng bà T không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-5-2018), bà Ưng Thị T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 450.599.999đồng, trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 38.817.777đồng, nợ lãi quá hạn là 11.782.222đồng.

Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ưng Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nói trên. Trường hợp bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử tài sản bảo đảm của bà Ưng Thị T và ông Phạm Thanh H để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Ưng Thị T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu không có thỏa thuận khác.

Tại bản tự khai ngày 17-01-2018, bị đơn bà Ưng Thị T trình bày:

Ngày 13-10-2016 bà có ký hợp đồng tín dụng số 03/2016/8929951/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để vay Ngân hàng số tiền 500.000.000đồng; thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 8,8%/năm.

Để bảo đảm nợ vay, bà và ông Phạm Thanh H có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 7, diện tích 245m^2, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 154678, số vào sổ cấp GCN: CH 00921 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà và ông H ngày 14-8-2014.

Trong quá trình trả nợ vay, bà đã trả cho Ngân hàng 100.000.000đồng tiền gốc và 18.651.111đồng tiền lãi. Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng 400.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi như Ngân hàng đã trình bày trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bà không trả tiền mặt cho Ngân hàng mà đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản là nhà và đất đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 17-01-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh H trình bày:

Ngày 13-10-2016 ông có thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 7, diện tích 245m^2, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để bảo đảm cho khoản vay của bà Ưng Thị T theo hợp đồng tín dụng số 03/2016/8929951/HĐTD ngày 13-10-2016 với Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

Việc thế chấp nói trên đã được ký kết bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016. Nay ông đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản là nhà và đất đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ. Buộc bà Ưng Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 450.599.999đồng, trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đồng, nợ lãi là 50.599.999đồng. Trường hợp bà Ưng Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30-11-2017 Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ có đơn khởi kiện yêu cầu bà Ưng Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 03/2016/8929951/HĐTD ngày 13-10-2016. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà Ưng Thị T là tổ 13, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng" theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 03/2016/8929951/HĐTD ngày 13-10-2016 đã được ký kết giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh Q với bà Ưng Thị T, văn bản trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 13-10-2016 bà Ưng Thị T có vay của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền 500.000.000đồng.

[2.2] Bà Ưng Thị T đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nói trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay bà Ưng Thị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-5-2018), bà Ưng Thị T mới trả được cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ 100.000.000đồng tiền gốc và 18.651.111đồng tiền lãi, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 450.599.999đồng, trong đó: Nợ gốc là 400.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 38.817.777đồng, nợ lãi quá hạn là 11.782.222đồng. Do đó, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Ưng Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Để bảo đảm cho khoản vay của bà Ưng Thị T theo hợp đồng tín dụng số 03/2016/8929951/HĐTD ngày 13-10-2016, bà Ưng Thị T và ông Phạm Thanh H đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 7, diện tích 245m^2, tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016.

[3.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ với bà Ưng Thị T, ông Phạm Thanh H đã được Phòng công chứng số 1 Q

chứng nhận, đồng thời, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh huyện B ngày 13-10-2016 nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên có hiệu lực pháp luật tại thời điểm đăng ký. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ với bà Ưng Thị T, ông Phạm Thanh H không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tài sản gắn liền với đất là tài sản thuộc sở hữu của bà T và ông H. Việc bà T và ông H thế chấp tài sản gắn liền với đất nói trên cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ là tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H thừa nhận có thế chấp tài sản gắn liền với thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 7, diện tích 245m^2, tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ và đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

[3.3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13-3-2018 thì hiện nay các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1107, tờ bản đồ số 7, diện tích 245m^2, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp.

[3.4] Tại khoản 1 Điều 9 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 quy định: *"1. Các trường hợp xử lý TSTC: a) Đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng và/hoặc hợp đồng cấp bảo lãnh mà bên được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ;…"*. Do đó, trường hợp bà Ưng Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bị đơn bà Ưng Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đồng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn bà Ưng Thị T phải trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền 2.000.000đồng.

[5] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Ưng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà T phải trả cho Ngân hàng là 450.599.999đồng. Số tiền án phí bà T phải chịu là: 20.000.000đồng + (50.599.999đồng x 4%) = 22.024.000đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các điều 147, 157, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 214, 219, 223, 471, 474, 342, 343, 344, 351, 355 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc bà Ưng Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-5-2018) là 450.599.999đồng (bốn trăm năm mươi triệu năm trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng);

- Nợ lãi trong hạn là 38.817.777đồng (ba mươi tám triệu tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng);

- Nợ lãi quá hạn là 11.782.222đồng (mười một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Ưng Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Trường hợp bà Ưng Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2016/8929951/HĐBĐ ngày 13-10-2016) để thu hồi nợ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Ưng Thị T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Ưng Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) và đã chi phí xong nên buộc bà Ưng Thị T phải trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

6. Về án phí:

Bà Ưng Thị T phải chịu 22.024.000đồng (hai mươi hai triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 10.596.528đồng (mười triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001879 ngày 11-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong